

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T; nơi cư trú: Thôn 7, xã Triều, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Bùi Thị H là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 7 năm 2010. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh T tại thôn 7, xã T, huyện T ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T. Quá trình chung sống, chị và anh T hòa thuận và có ba con chung, đến cuối năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, tính chất công việc của chị phải tăng ca thường xuyên về muộn dẫn đến anh T và gia đình nhà chồng nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, vợ chồng xảy ra xung đột nặng nề. Chị H đã ra ngoài thuê nhà trọ ở, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể quay lại chung sống cùng nhau nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T. Quá trình chung sống, chị và anh Lê Văn T có 03

con chung tên Lê Văn T1 sinh ngày 09 tháng 11 năm 2011, Lê Thị Bảo C, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2017 và Lê Văn C1, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2015 nhưng đã chết vì bệnh vào năm 2017. Hiện nay, hai con chung tên Thành và Châu đang ở cùng anh T. Khi vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị để anh T trực tiếp nuôi cả hai con chung, tự thỏa thuận với anh T về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh T không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn T là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, song đến ngày mở phiên tòa anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Văn T; đề nghị giao hai con chung tên Lê Văn T1 và Lê Thị Bảo C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự

Bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Bùi Thị H xin ly hôn với anh Lê Văn T

Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H làm đơn xin ly hôn với anh T. Tài liệu xác minh tại gia đình và tại địa phương thống nhất thể hiện: Cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Văn T đã phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ đầu năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thời gian kết hôn đã lâu nhưng không có sự vun đắp bền vững dẫn đến việc nghi ngờ, ghen tuông về mặt tình cảm của anh Lê Văn T đối với chị Bùi Thị H, giữa vợ và chồng xảy ra xung đột, xúc phạm nhau nặng nề. Đến tháng 4 năm 2022, chị H dọn ra ngoài thuê nhà trọ ở, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương dành cho nhau. Tòa án tiến

hành hòa giải và mở phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do; chị H giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Lê Văn T. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H xin ly hôn anh Lê Văn T.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn T có 03 chung tên Lê Văn T1 sinh ngày 09 tháng 11 năm 2011, Lê Thị Bảo C, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2017 và Lê Văn C1, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2015 nhưng đã chết vì mắc bệnh nặng vào năm 2017. Khi ly hôn, chị H đề nghị để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Văn T1 và Lê Thị Bảo C. Tài liệu xác minh tại gia đình và tại địa phương thể hiện: Từ khi vợ chồng ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung; con chung đều đang học tập ổn định trên địa bàn xã Thủy Triều. Mặt khác, anh T ở cùng với bố mẹ đẻ, có chỗ ở ổn định và nhận được sự hỗ trợ chăm sóc con chung từ ông bà. Chị H thống nhất quan điểm đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung để ổn định cuộc sống cho các con chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con hai chung là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với điều kiện của các đương sự.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Bùi Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con; anh Lê Văn T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, chị Bùi Thị H khai không có tài sản chung, mặt khác không có lời khai của anh Lê Văn T về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Bùi Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Văn T1 sinh ngày 09 tháng 11 năm 2011 và Lê Thị Bảo C, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2017 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0008036 ngày 21/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
 - VKSND TP. Hải Phòng;
 - VKSND H. Thủy Nguyên;
 - Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
 - UBND xã Thủy Triều, H. Thủy Nguyên;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 62, ngày 23/7/2010)
- Đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân